TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 - 2022.
V/v: Tranh chấp về ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh Hoàng Mạnh Đ1, sinh năm 1986

Cùng trú tại: Khu 4, xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ xin xét xử vắng mặt; anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng V

Địa chỉ: Số 2 đường L , phường T , quận Đ, thành phố Hà Nội ;

Người địa diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hải H, sinh năm 1985; chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Agribank chi nhánh huyện N Phú Thọ II, là đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 09/12/2021) (Vắng mặt)

2. Ngân hàng X(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 169 L, phường L1, quận M, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Thu H1- Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Phù Ninh là đại diện theo ủy quyền

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Mạnh Đ1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại ngày 08/10/2008 tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại khu 4 xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 5 tháng thì ra ở riêng trên mảnh đất do bố mẹ chồng cho tại khu 4, xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Đến cuối năm 2019 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ1 có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau thậm chí anh Đ1 còn đánh đập chị. Gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Chị đã gửi đơn ly hôn nhiều lần nhưng các lần trước chị muốn cho anh cơ hội nên chị đã rút đơn. Sau khi rút đơn khởi kiện, vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng anh Đ1 vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng và không có ý định đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ1.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Quỳnh P1, sinh ngày 14/8/2011; cháu Hoàng Chúc G, sinh ngày 03/7/2015. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng anh Đ1 tại khu 4, xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và vay nợ: Tại đơn khởi kiện chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh chị. Ngày 21/12/2021, chị Đ có đơn đề nghị xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Mạnh Đ1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ. Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Mạnh Đ1. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được; anh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Đ tự nguyện không yêu cầu. Về tài

sản chung, về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ về chia tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng. Về án phí: Buộc chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp về việc chia tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại khu 4, xã Phú Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phạm vi giải quyết vụ án và tư cách tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết chìa tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Qua xác minh vợ chồng chị Đ có vay của Ngân hàng X huyện Phù Ninh và vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện N Phú Thọ II nên Tòa án xác định Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Việt Nam và Ngân hàng X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên, nguyên đơn đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Sau khi nhận được đơn khởi kiện Tòa án đã thông báo việc chị Đ rút yêu cầu khởi kiện này cho người đại diện theo ủy quyền của hai ngân hàng trên và cho anh Đ1. Sau khi nhận được Thông báo của Tòa án thì Đại diện theo ủy quyền của hai ngân hàng có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ giữa ngân hàng với vợ chồng chị Đ và anh Đ1 trong vụ án này, ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Anh Đ1 sau khi được giao thông báo hợp lệ nhưng không có ý kiến về gì về việc yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung và tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc. Tòa án đến nhà bị đơn tại khu 4, xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ để làm việc đều không gặp được bị đơn nên không làm việc được. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Nguyên đơn, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 giải quyết xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Mạnh Đ1 kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại ngày 08/10/2008 tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trước thời điểm nộp đơn xin ly hôn ngày 23/11/2021, chị Đ cũng đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Mạnh Đ1. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn này. Trong quá trình giải quyết, chị Đ đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để cho anh Đ1 một cơ hội sửa chữa lỗi lầm, do anh Đ1 cũng có đề nghị được quay lại. Sau khi quay về với nhau vợ chồng chị Đ vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vẫn do anh Đ1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Theo chị Đ thì anh Đ1 còn thường xuyên đánh đập chị nhưng do sợ ảnh hưởng đến con cái sau này nên chị Đ không báo sự việc này đến chính quyền địa P. Qua xác minh cho thấy, vợ chồng chị Đ và anh Đ1 đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vẫn là anh Đ1 vẫn chơi bời và không quan tâm đến vợ con. Chị Đ và anh Đ1 đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, khi sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án đã thông báo cho anh Đ1 thời gian, địa điểm để tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng anh Đ1 có biết nhưng không đến buổi hòa giải và cũng không có lý do về việc không đến này. Như vậy, bản thân anh Đ1 không thực sự muốn hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Từ những nhận định trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ1 được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị Đ, anh Đ1 có hai con chung là cháu Hoàng Quỳnh P, sinh ngày 14/8/2011; cháu Hoàng Chúc G, sinh ngày 03/7/2015. Hiện nay, hai cháu đang chung sống với anh Đ1 tại khu 4, xã M, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Cháu P có nguyện vọng được ở với chị Đ khi chị Đ và anh Đ1 ly hôn.

Qua xác minh được ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ đẻ anh Đ1) xác nhận chị Đ là người con dâu tốt, còn anh Đ1 thì thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Hiện nay cháu P và cháu G đang ở cùng anh Đ1 nhưng anh Đ1 không quan tâm, chăm lo cho hai cháu. Ông bà vẫn là người phải chăm lo cho hai cháu. Ông hạ và bà T đều đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Đ để chăm lo cho các cháu được tốt nhất. Tuy chị Đ không ở cùng hai con nhưng chị vẫn quan tâm, chăm sóc hai con chung. Chị Đ là người nộp tiền học của cháu P, chị cũng cung cấp cho Tòa án phiếu thu các loại quỹ học của cháu P do chị nộp. Chị Đ cung cấp bảng lương thu nhập hàng tháng của chị là 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh Đ1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ các buổi làm việc tại Tòa án nhưng anh Đ1 không đến, không trình bày lý do không đến. Điều này cho thấy anh Đ1 đã không chấp hành quy định của pháp luật về việc phải có mặt theo giấy triệu tập của tòa án. Anh Đ1 không đến Tòa án để trình bày quan điểm nguyện vọng của mình về nuôi con, không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh anh có đủ điều kiện nuôi con chung. Do đó, đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con chưa thành niên phát triển toàn diện cần giao cả hai con chung cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được như đề nghị của chị Đ là phù hợp; anh Đ1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận là phù hợp

2.3. Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp: Ngày 21/12/2021, chị Đ tự nguyện có đơn đề nghị xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu này là phù hợp.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

- Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Mạnh Đ1.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh P, sinh ngày 14/8/2011; cháu Hoàng Chúc G, sinh ngày 03/7/2015 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Anh Hoàng Mạnh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện không yêu cầu.

Anh Hoàng Mạnh Đ1 có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001250 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001301 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Phù Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh;
- UBND xã M;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tùng